

PHỤ LỤC

**Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH
cho UBND các xã, phường, đặc khu năm 2026**

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ST T	Đơn vị hành chính	Kết quả thực hiện năm 2025			Chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH năm 2026		
		Số người tham gia BHXH bắt buộc	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Tổng người tham gia BHXH	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Tổng người tham gia BHXH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+ (4)	(5)	(6)	(7)=(5)+ (6)
1	Phường Cẩm Thành	14.598	1.077	15.675	15.477	1.354	16.831
2	Phường Nghĩa Lộ	21.421	983	22.404	22.318	1.236	23.554
3	Phường Trương Quang Trọng	2.807	451	3.258	2.976	567	3.543
4	Xã Tịnh Khê	743	472	1.215	788	593	1.381
5	Xã An Phú	807	852	1.659	856	1.071	1.927
6	Xã Bình Sơn	6.184	1.290	7.474	7.058	1.539	8.597
7	Xã Vạn Tường	25.067	797	25.864	28.457	987	29.444
8	Xã Bình Minh	333	514	847	342	597	939
9	Xã Bình Chương	329	320	649	344	384	728
10	Xã Đông Sơn	1.091	1.068	2.159	1.203	1.282	2.485
11	Xã Trà Bồng	947	397	1.344	1.012	480	1.492
12	Xã Đông Trà Bồng	275	270	545	315	330	645
13	Xã Tây Trà	391	133	524	421	170	591
14	Xã Thanh Bồng	278	86	364	293	125	418
15	Xã Tây Trà Bồng	277	88	365	292	125	417
16	Xã Cà Đam	192	64	256	207	93	300
17	Xã Trường Giang	328	703	1.031	396	896	1.292
18	Xã Ba Gia	524	464	988	633	589	1.222

19	Xã Sơn Tịnh	692	1.203	1.895	836	1.538	2.374
20	Xã Thọ Phong	45.947	644	46.591	55.509	894	56.403
21	Xã Nghĩa Giang	981	1.001	1.982	1.185	1.304	2.489
22	Xã Trà Giang	385	657	1.042	465	807	1.272
23	Xã Tư Nghĩa	3.085	1.597	4.682	3.355	1.837	5.192
24	Xã Vệ Giang	704	478	1.182	789	603	1.392
25	Xã Minh Long	516	313	829	546	388	934
26	Xã Sơn Mai	343	186	529	358	236	594
27	Xã Nghĩa Hành	1.613	595	2.208	1.763	745	2.508
28	Xã Phước Giang	318	462	780	348	557	905
29	Xã Đình Cương	419	515	934	469	630	1.099
30	Xã Thiện Tín	341	510	851	359	560	919
31	Xã Sơn Hà	842	592	1.434	859	637	1.496
32	Xã Sơn Hạ	538	232	770	577	277	854
33	Xã Sơn Thủy	260	210	470	290	235	525
34	Xã Sơn Kỳ	286	180	466	316	249	565
35	Xã Sơn Linh	352	155	507	366	200	566
36	Xã Sơn Tây	783	124	907	783	169	952
37	Xã Sơn Tây Thượng	344	106	450	344	151	495
38	Xã Sơn Tây Hạ	268	54	322	297	99	396
39	Phường Đức Phổ	2.169	858	3.027	2.304	1.022	3.326
40	Phường Trà Câu	726	520	1.246	771	619	1.390
41	Xã Nguyễn Nghiem	446	481	927	474	573	1.047
42	Xã Khánh Cường	456	317	773	484	378	862
43	Phường Sa Huỳnh	554	372	926	589	443	1.032
44	Xã Mỏ Cày	1.034	499	1.533	1.098	594	1.692
45	Xã Long Phụng	854	353	1.207	907	420	1.327
46	Xã Lân Phong	756	491	1.247	803	585	1.388
47	Xã Mộ Đức	1.039	368	1.407	1.104	438	1.542
48	Xã Ba Tơ	813	362	1.175	873	422	1.295
49	Xã Ba Động	447	192	639	477	237	714
50	Xã Ba Vinh	187	212	399	202	252	454
51	Xã Ba Đình	197	204	401	212	254	466
52	Xã Ba Tô	255	133	388	275	173	448

53	Xã Ba Vì	323	191	514	343	236	579
54	Xã Ba Xa	165	38	203	175	48	223
55	Xã Đặng Thùy Trâm	162	43	205	172	53	225
56	Đặc khu Lý Sơn	941	1.498	2.439	1.061	1.898	2.959
57	Phường Kon Tum	7.344	2.254	9.598	7.872	2.741	10.613
58	Phường Đắk Cấm	5.312	838	6.150	5.694	1.019	6.713
59	Phường Đắk Bla	2.025	477	2.502	2.171	580	2.751
60	Xã Ngọc Bay	745	614	1.359	799	747	1.546
61	Xã Ia Chim	443	461	904	475	561	1.036
62	Xã Đắk Rơ Wa	821	563	1.384	880	685	1.565
63	Xã Đắk Long	221	115	336	234	132	366
64	Xã Đắk Môn	403	248	651	466	323	789
65	Xã Đắk Pék	995	587	1.582	1.065	808	1.873
66	Xã Đắk Plô	453	267	720	453	307	760
67	Xã Xốp	231	169	400	255	194	449
68	Xã Ngọc Linh	254	152	406	254	177	431
69	Xã Bờ Y	1.818	1.569	3.387	1.938	1.824	3.762
70	Xã Dục Nông	560	431	991	605	541	1.146
71	Xã Sa Loong	202	409	611	247	519	766
72	Xã Đắk Tô	1.758	1.235	2.993	1.864	1.561	3.425
73	Xã Kon Đào	444	207	651	471	262	733
74	Xã Ngọc Tụ	318	182	500	337	230	567
75	Xã Đắk Sao	274	162	436	291	205	496
76	Xã Đắk Tờ Kan	328	154	482	348	195	543
77	Xã Tu Mơ Rông	580	207	787	615	262	877
78	Xã Măng Ri	448	206	654	475	260	735
79	Xã Măng Đen	1.178	593	1.771	1.299	636	1.935
80	Xã Măng Bút	341	249	590	376	309	685
81	Xã Kon Plông	453	418	871	499	478	977
82	Xã Đắk Kôi	186	161	347	205	204	409
83	Xã Kon Bراهيم	937	443	1.380	1.033	549	1.582
84	Xã Đắk Rve	323	255	578	356	316	672
85	Xã Đắk Pxi	289	113	402	309	131	440
86	Xã Đắk Mar	1.331	646	1.977	1.401	796	2.197
87	Xã Đắk Ui	607	447	1.054	647	547	1.194
88	Xã Ngọc Réo	306	217	523	336	267	603

89	Xã Đăk Hà	2.135	2.104	4.239	2.360	2.359	4.719
90	Xã Sa Thầy	1.238	745	1.983	1.560	898	2.458
91	Xã Ya Ly	298	263	561	336	317	653
92	Xã Sa Bình	492	339	831	555	409	964
93	Xã Rờ Koi	187	107	294	211	129	340
94	Xã Mô Rai	195	105	300	220	127	347
95	Xã Ia Tơi	2.509	92	2.601	2.668	111	2.779
96	Xã Ia Đal	152	18	170	171	22	193
Tổng cộng		186.267	45.797	232.064	207.877	55.917	263.794